

Số: 720/QĐ-UBND

Chợ Mới, ngày 22 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Công trình: **Khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với khu vực sạt lở đất tại tổ 1,
thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 120/BC-TCKH ngày 21 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với khu vực sạt lở đất tại tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.

- Tên dự án: Khẩn cấp khắc phục thiên tai đối với khu vực sạt lở đất tại tổ 1, thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới (Ban QLDA ĐTXD huyện Chợ Mới là đại diện chủ đầu tư).

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Thời gian khởi công, hoàn thành: 09/2023 - 10/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác.

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Dự toán công trình điều chỉnh lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện		Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán	
1	2	3	4	5=3-4	6 = 4-3
Tổng số	5.450.000.000	4.950.029.981	4.693.361.701	256.668.280	
- Nguồn vốn ngân sách nhà nước			2.500.000.000		
+ Nguồn dự phòng ngân sách huyện			1.000.000.000		
+ Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh			1.500.000.000		
- Nguồn vốn khác			2.193.361.701		
+ Quỹ phòng chống thiên tai			2.193.361.701		

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán công trình điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
	1	2	3
	Tổng số	5.450.000.000	4.950.029.981
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	920.000.000	545.583.862
2	Chi phí thiết bị	0	0
3	Xây dựng	3.948.292.699	3.936.560.768
4	Quản lý dự án	106.055.529	105.740.396
5	Tư vấn	339.039.057	338.519.768
6	Chi phí khác	97.133.302	23.625.187
7	Dự phòng	39.479.413	

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Giá trị thực tế	Đơn vị quản lý, sử dụng
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	4.950.029.981	UBND thị trấn Đồng Tâm

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	4.950.029.981	
Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác	4.950.029.981	

- Thanh toán số tiền còn phải trả theo kế hoạch vốn, thu hồi các khoản nợ phải thu nộp trả ngân sách Nhà nước (nếu có).

1.2. Tổng số đã thanh toán đến ngày chủ đầu tư khóa sổ nộp báo cáo Quyết toán: 652.223.958, đồng.

- Tổng số phải thu: 197.777.839 đồng.

- Tổng số phải trả: 454.446.119, đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Quản lý, bảo trì theo đúng quy định và được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
UBND thị trấn Đồng Tâm	4.950.029.981	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm tham mưu bố trí vốn thanh toán cho dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (nếu có).

- Kho bạc Nhà nước huyện Chợ Mới có trách nhiệm đôn đốc Chủ đầu tư thực hiện thủ tục thanh toán các khoản nợ phải trả, phải thu theo Quyết định phê duyệt quyết toán.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và các nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan liên quan về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán, tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán, tính chính xác của khối lượng nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, tính phù hợp của đơn giá đã thống nhất trong hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

- Giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phối hợp với Kho bạc Nhà nước, nhà thầu và các đơn vị liên quan hoàn tất các thủ tục xử lý dứt điểm các khoản công nợ và tất toán tài khoản đầu tư của dự án theo quy định; quản lý hồ sơ quyết toán theo đúng quy định hiện hành và cung cấp đầy đủ các thông tin khi cần thiết.

4. Các nghiệp vụ khác (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thị trấn Đồng Tâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 4 (T/hiện);
- TT. Huyện uỷ, TT. HĐND huyện (B/cáo);
- Lãnh đạo UBND huyện;

Gửi bản giấy:

- Ban QLDA ĐTXD huyện (07 bản);
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Nguyễn Việt

PHỤ LỤC CÔNG NỢ

(Kèm theo Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới)

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ tính đến ngày khóa sổ lập quyết toán	
					Phải thu	Phải trả
1	Công ty cổ phần quản lý và xây dựng Giao thông Bắc Kạn	Chi phí xây dựng	3.936.560.768	3.718.000.000		218.560.768
2	Công ty cổ phần xây dựng Tư vấn xây dựng cơ sở Hạ tầng Thái Nguyên	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	244.990.000	232.000.000		12.990.000
3	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Chợ Mới	Chi phí quản lý dự án	105.740.396			105.740.396
		Chi phí giám sát công tác khảo sát	93.529.768			93.529.768
		Phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	545.583.862	743.361.701	197.777.839	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	Chi thẩm định dự án đầu tư xây dựng	1.035.500			1.035.500
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	22.589.687			22.589.687
	Tổng cộng		4.950.029.981	4.693.361.701	197.777.839	454.446.119